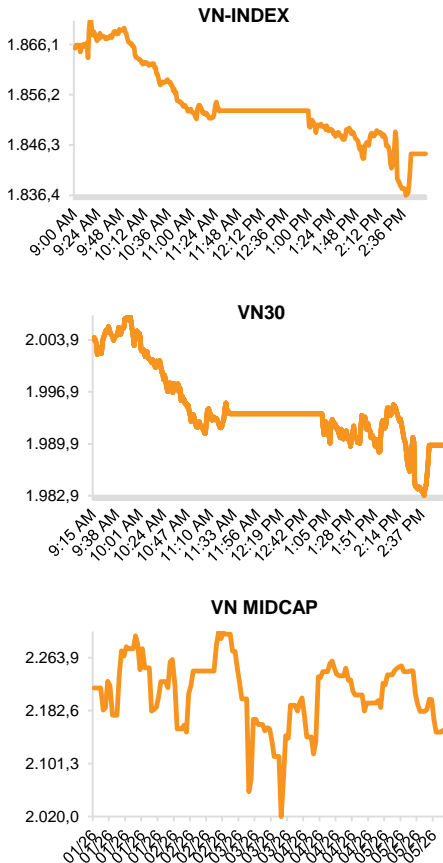


**KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎ +84 2439724568  
✉ Research@vndirect.com.vn  
🌐 vndirect.com.vn



**Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ**

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.844,5	305,2	125,8
1 ngày (%)	-1,0	3,5	0,4
1 tháng (%)	-0,5	21,8	-1,3
Từ 2026	3,4	22,7	4,0
1 năm (%)	38,4	36,7	27,7
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	332	17	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,6	0,8	0,3
Số mã tăng	165	59	121
Số mã giảm	133	67	130
Số mã tham chiếu	105	168	488

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Thị trường chứng khoán**

**VN-Index giảm 1,0%, khối ngoại bán ròng hạ nhiệt**

Mở đầu tháng 6/2026 VN-Index ghi nhận áp lực bán tập trung tại nhóm vốn hóa lớn. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại 1.844,5 điểm, giảm 19,0 điểm (-1,0%). Độ rộng thị trường tích cực với 158 mã tăng (7 mã trần), 129 mã giảm (4 mã sàn) và 66 mã đứng giá, cho thấy đà giảm của chỉ số chủ yếu đến từ nhóm bluechip hơn là áp lực bán diện rộng. HNX-Index lần đầu vượt ngưỡng 300 điểm, đóng cửa tại 305,2 điểm (+3,5%) với 9 mã chạm trần giá.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.989,7 điểm (-0,4%), với 8 mã tăng và 19 mã giảm. Các ngành ghi nhận chín trong 19 nhóm tăng điểm với Xây dựng & Vật liệu dẫn đầu (+3,4%), tiếp theo là Dịch vụ bán lẻ (1,7%), Công nghệ (1,6%) và Phương tiện truyền thông (0,8%). Ở chiều ngược lại, Dầu khí chịu áp lực lớn nhất với mức giảm 3,1%, kéo theo Bất động sản (-2,4%), Dịch vụ tiện ích (-1,4%) và Viễn thông (-1,2%).

Thanh khoản HoSE đạt 11,4 nghìn tỷ đồng, giảm 22,4% so với phiên giao dịch trước và thấp hơn trung bình 20 phiên gần nhất. Khối ngoại bán ròng 647,0 tỷ đồng, đánh dấu phiên bán ròng thứ 12 liên tiếp và có xu hướng hạ nhiệt dần. ACB chịu áp lực xả ròng lớn nhất ở mức 109,0 tỷ đồng, theo sau là BSR (88,4 tỷ đồng), MSB (87,8 tỷ đồng) và VIC (76,2 tỷ đồng). Chiều mua ròng tập trung ở các mã như MWG (88,5 tỷ đồng); FPT (68,5 tỷ đồng) và VCB (45,9 tỷ đồng).

**Chúng tôi khuyến nghị:** 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm cho thấy đà phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

**Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH**

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,4	184,8	3,7	0,4	0,1	-5,0	10,8	-17,6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,0	19,5	4,9	-0,3	-2,4	-10,5	9,5	82,3
Năng lượng	2,6	15,5	1,9	-3,3	14,8	53,7	115,8	-42,3
Tài chính	37,1	11,8	1,7	-0,3	1,0	1,9	26,2	-21,9
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,4	2,4	0,2	-2,8	-6,0	0,0	2,1
Công nghiệp	6,9	23,0	4,1	0,3	-1,8	-8,1	27,1	14,1
Công nghệ thông tin	1,6	13,1	3,1	1,5	-3,7	-21,9	-23,9	9,9
Vật liệu xây dựng	5,9	18,4	1,8	0,1	-2,0	10,1	17,9	-19,2
Bất động sản	30,0	90,4	7,3	-2,5	-2,5	16,6	217,9	-2,8
Dịch vụ tiện ích	4,0	15,0	2,3	-1,7	7,9	11,4	23,4	-33,0

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin tuần 25/5 – 29/5

Tin vĩ mô thế giới

- **Thế giới:** Mỹ và Iran tiến gần tới thỏa thuận ngừng bắn 60 ngày nhưng chưa đạt đồng thuận cuối cùng, trong khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông vẫn ở mức cao. Giá dầu Brent giảm 11% WoW, giao dịch quanh mức 92 USD/thùng.
- **Mỹ:** Tuần trước, dữ liệu lạm phát tháng 4 tiếp tục tăng trong bối cảnh giá năng lượng chịu tác động gián đoạn, với PCE toàn phần và PCE lõi lần lượt tăng lên 3,8% và 3,3% svck (tháng 3: 3,5% và 3,2%). Trong khi đó, thị trường lao động tiếp tục hạ nhiệt dần, với chỉ số việc làm phi nông nghiệp của Mỹ tăng 115.000 và tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 4,3%. Trong bối cảnh này, Fed nhiều khả năng sẽ duy trì lập trường thận trọng, khi lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu trong khi thị trường lao động chưa suy yếu đủ để biện minh cho việc nới lỏng chính sách tiền tệ.

Tin vĩ mô trong nước

- PMI sản xuất tháng 5/2026 tăng lên 52,8 điểm (tháng 4: 50,5 điểm), đạt mức cao nhất trong 3 tháng và phản ánh sự phục hồi của đơn hàng mới và sản lượng. Tuy nhiên, áp lực chi phí đầu vào tăng mạnh cùng yếu tố tích trữ hàng tồn kho cho thấy đà phục hồi vẫn còn thiếu bền vững, triển vọng ngành sản xuất cần tiếp tục theo dõi.
- Mỹ khởi động cuộc điều tra thương mại theo Điều 301 đối với Việt Nam, tập trung vào bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, trong bối cảnh các cam kết liên quan đến hiệp định thương mại Việt–Mỹ tháng 10/2025 được đưa vào rà soát.
- **Tỷ giá:** Tỷ giá LNH biến động tăng – giảm đan xen trong tuần. Kết thúc phiên 29/05, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.310 VND/USD, giảm 58 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Chỉ số USD Index (DXY) đóng cửa tại 98,97 điểm, giảm 0,2 % svck.
- **OMO và lãi suất liên ngân hàng:** Lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn. Lãi suất qua đêm tăng lên 7,0% (+0,3 điểm % svck tuần) và lãi suất một tuần tăng lên 7,4% (+1,1 điểm % svck tuần). Tính đến tuần kết thúc ngày 29/05, NHNN bơm ròng 30,7 nghìn tỷ đồng qua kênh thị trường mở, dư nợ cầm cố lưu hành ở mức 332,3 nghìn tỷ đồng.

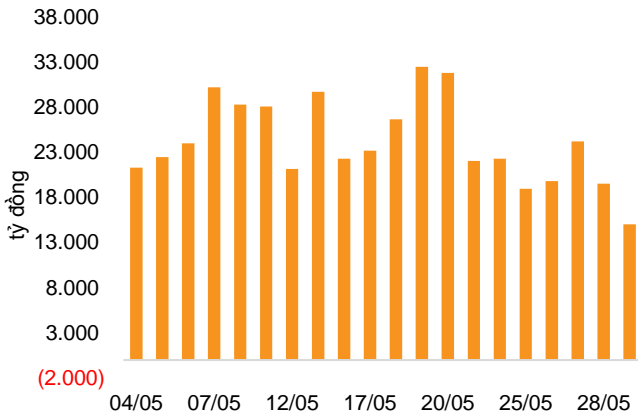
Tin ngành và doanh nghiệp

- **VTP:** Hoàn tất phát hành hơn 50,2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thu về khoảng 502 tỷ đồng và nâng vốn điều lệ lên 1,7 nghìn tỷ đồng.
- **GDA:** Đặt kế hoạch doanh thu 16,0 nghìn tỷ đồng và LNST 250 tỷ đồng trong năm 2026, đồng thời dự kiến chuyển niêm yết sang HOSE trong Q3/26.
- **REE:** Thông qua bảo lãnh khoản vay 1,5 nghìn tỷ đồng cho dự án Nhà máy Điện gió V1-3 giai đoạn 2 với công suất 48 MW.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

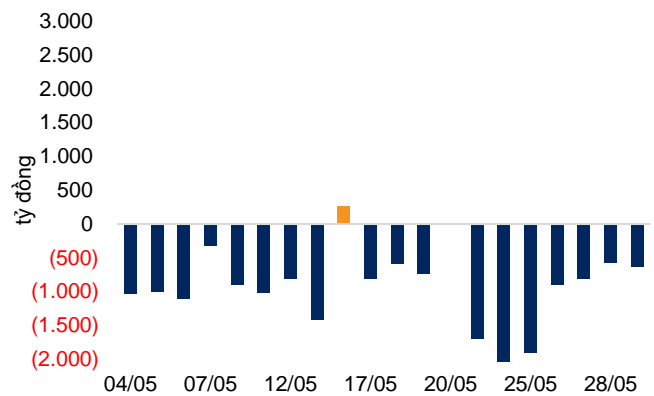
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 01/06/2026	Việt Nam	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tháng 5.2026
Thứ Tư, 03/06/2026	Việt Nam	Số liệu vĩ mô tháng 5.2026
Thứ Sáu, 05/06/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 5.2026

**Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN**



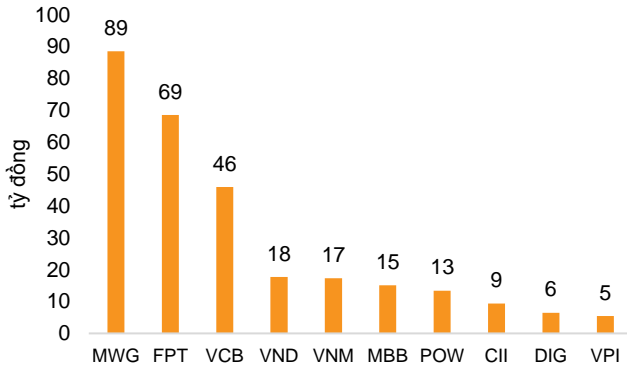
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN**



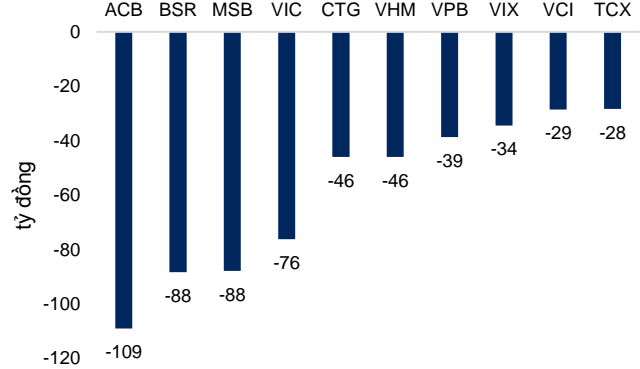
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY**



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY**



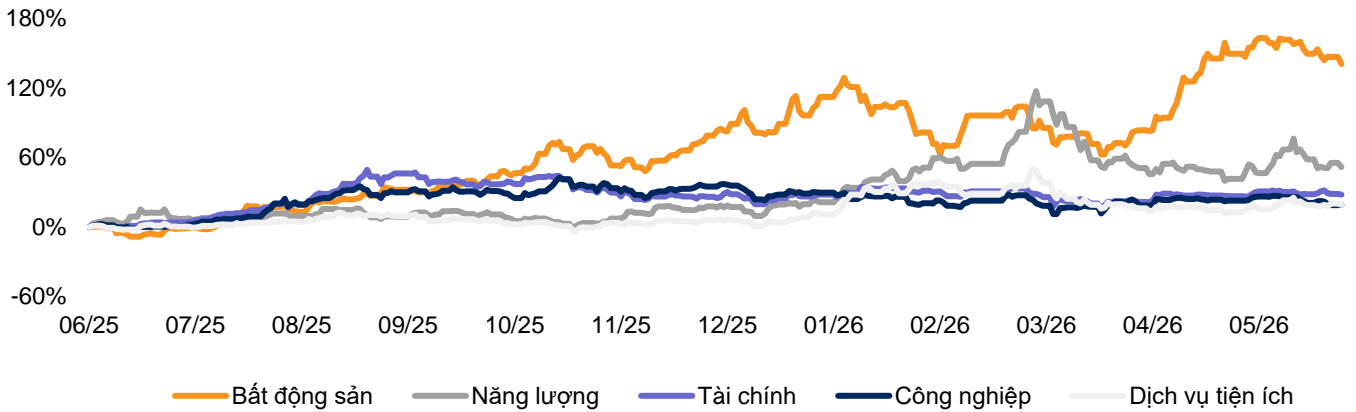
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU**

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,3%	2,2%	19,6	1,6	-10,7%	2,2%	164.431	1,4%	17.878	0,9%	6,4%
Ấn Độ	NSE500 Index	-1,0%	-6,1%	24,4	3,2	14,3%	1,2%	11.326	6,8%	-23.620	-0,1%	-10,1%
Indonesia	JCI Index	0,0%	-29,1%	14,7	1,6	11,6%	4,2%	977	6,8%	-3.155	-2,6%	-8,7%
Singapore	FSTAS Index	1,0%	8,3%	17,5	1,5	9,3%	4,3%	1.606	1,7%	1.148	-0,4%	0,6%
Malaysia	FBME Index	0,3%	2,2%	15,5	1,5	9,0%	3,8%	760	3,4%	-164	0,1%	7,4%
Philippines	PCOMP Index	0,1%	-5,4%	7,8	0,5	6,2%	3,9%	101	5,8%	-223	-0,4%	-9,8%
Thái Lan	SET Index	0,0%	24,5%	12,8	1,5	8,7%	4,2%	1.937	1,7%	670	-0,6%	-0,2%
Việt Nam	<b>VN-Index</b>	<b>-1,0%</b>	<b>3,4%</b>	<b>15,3</b>	<b>2,1</b>	<b>15,1%</b>	<b>1,4%</b>	<b>868</b>	<b>4,1%</b>	<b>-2.373</b>	<b>0,1%</b>	<b>-1,1%</b>

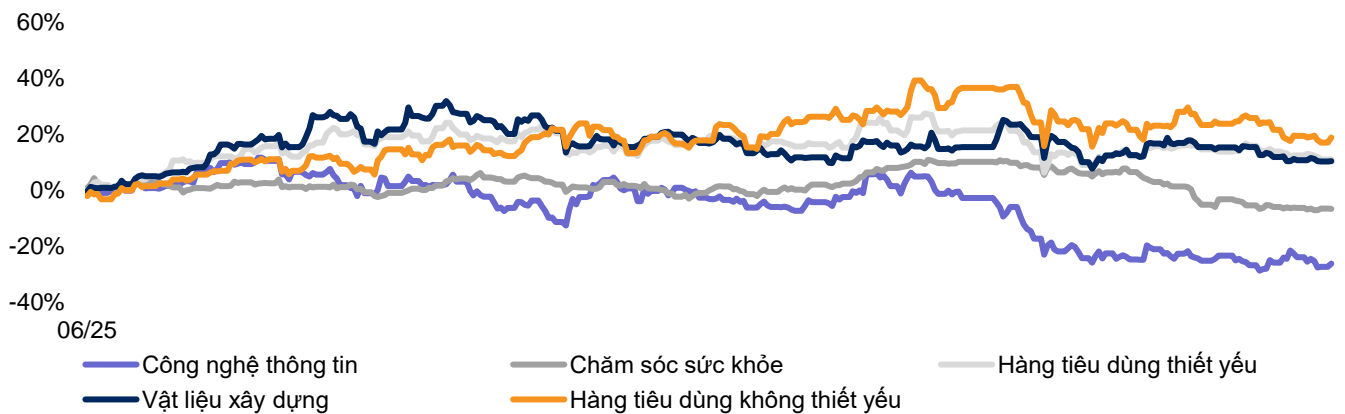
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



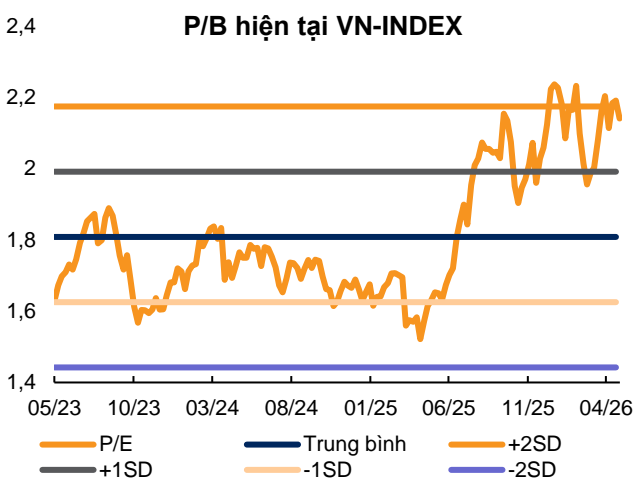
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



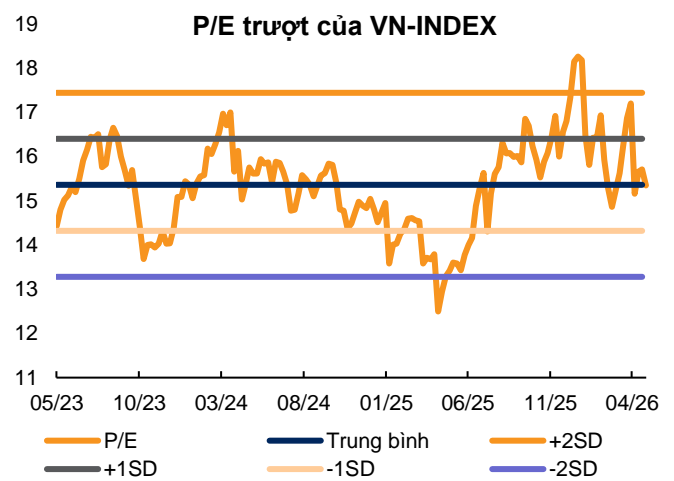
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



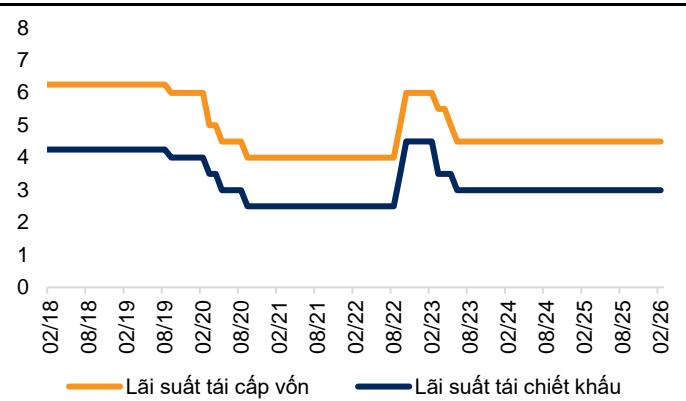
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,12	0,0	1,7	26,7	66,0
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	7,15	4,4	12,1	333,3	98,6
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,93	8,0	13,1	-3,9	86,6
USD/VND	26.317	0,0	0,1	-0,1	-1,1
DXY	99,04	0,1	0,9	0,7	-0,3
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,47	0,7	2,2	7,2	1,5
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,08	0,8	4,7	15,4	5,7

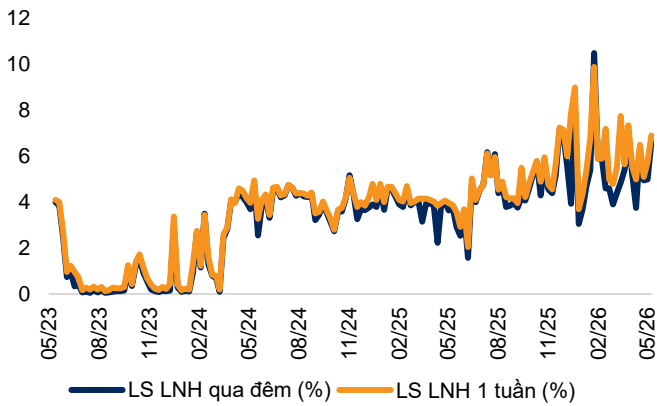
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



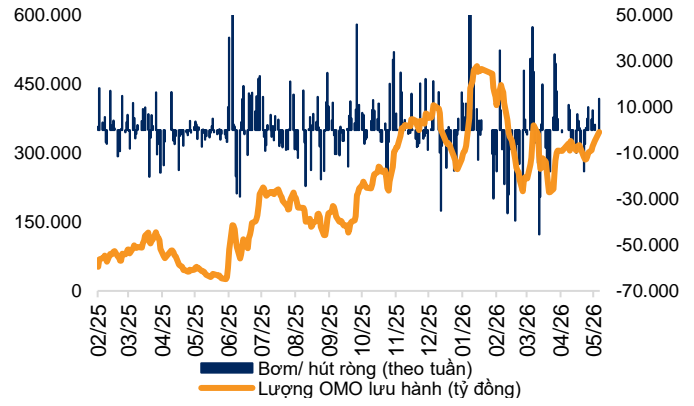
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



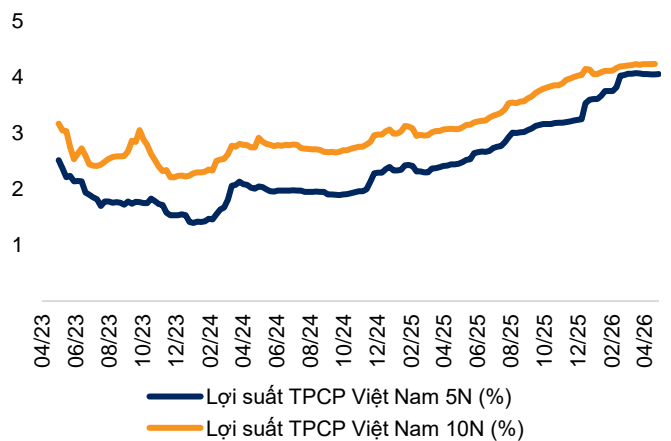
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUÁ KÈNH OMO



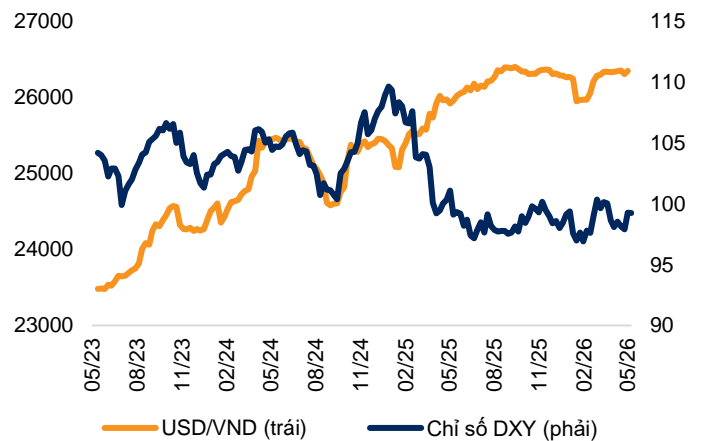
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA**

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	3,9%	-11,0%	49,3%
Brent Crude	3,2%	-13,0%	46,7%
JKM LNG	-1,1%	4,8%	64,2%
Henry Hub LNG	0,6%	8,4%	51,9%
NW Thermal Coal	9,9%	28,0%	12,5%
Singapore Platt FO	-0,2%	-5,5%	46,3%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-1,4%	-3,2%	36,7%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	0,1%	0,0%	129,9%
Bạch kim	0,4%	-3,8%	83,6%

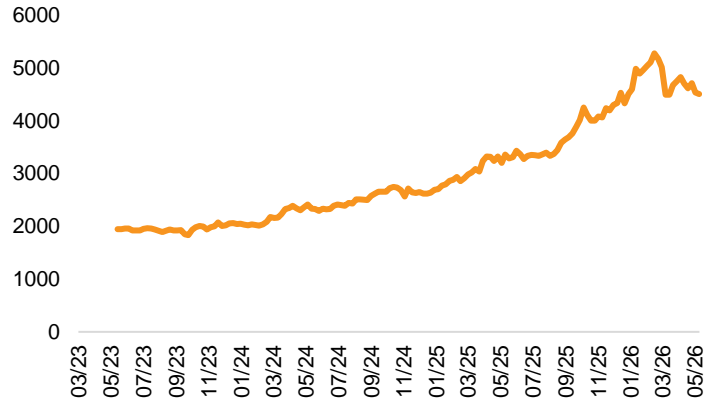
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	2,5%	604,8%
Đồng	2,4%	10,3%	39,9%
Nhôm	0,2%	4,8%	52,1%
Niken	-0,2%	-1,1%	24,3%
Kẽm	-0,7%	4,4%	9,0%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	2,1%	-1,6%
Quặng sắt	0,1%	-2,5%	5,7%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	0,4%	16,4%	-6,2%
Arabica	0,8%	-11,3%	-21,8%
Đường	2,2%	-3,9%	-15,7%
Cacao	0,0%	11,4%	-59,9%
Dầu cọ	0,0%	-1,5%	NA
Bông	1,4%	-5,6%	18,7%
Sữa bột	-0,1%	-1,1%	-9,2%
Lúa mì	0,7%	-1,6%	15,1%
Đậu tương	0,4%	0,3%	14,4%
Hạt điều	NA	0,0%	-2,6%
Cao su	-0,9%	1,8%	33,1%
Urê	-6,4%	-24,0%	53,5%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-1,2%	0,8%	-4,2%
Gia súc	-0,6%	-3,4%	15,2%

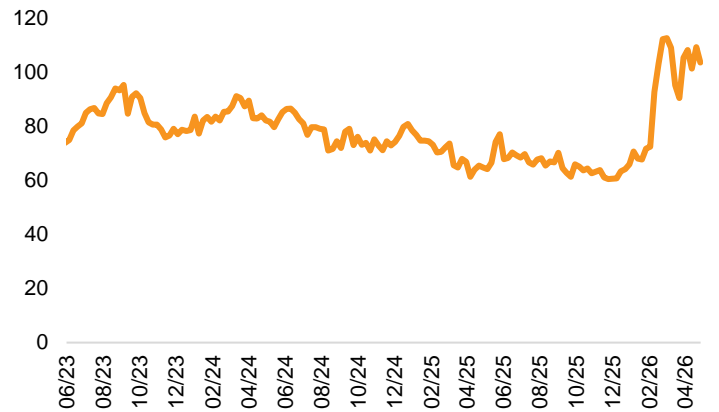
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 16: GIÁ VÀNG**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 17: GIÁ DẦU BRENT**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	5.949	1,8	2.809	43.700	73.300	69,0%	1,3%	14,7	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	20,0%	1,4%	11,0	4,7	47%
HVN	2.524	1,0	548	21.350	43.400	106,2%	2,9%	8,4	11,2	
VJC	3.844	8,2	911	171.000	113.600	-33,0%	0,6%	39,4	3,9	11%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	401	2,6	189	34.700	37.200	7,2%		54,8	2,6	4%
DGW	336	3,3	87	40.000	49.600	26,5%	2,5%	13,7	2,4	19%
FRT	822	2,2	145	127.100	150.300	18,5%	0,3%	23,7	4,9	28%
MCH	6.517	2,1		132.500	147.000	12,5%	1,5%	25,0	10,0	42%
MWG	4.414	22,7	7	79.100	96.300	23,0%	1,3%	14,2	3,3	25%
PNJ	1.279	4,7	13	65.800	109.900	68,0%	1,0%	9,6	2,3	28%
QNS	665	0,3	270	47.600	53.400	16,4%	4,2%	7,8	1,4	18%
SAB	2.300	1,5	954	47.200	59.900	33,3%	6,4%	13,0	2,7	21%
VHC	464	2,2		58.300	71.300	25,7%	3,4%	8,8	1,3	16%
VNM	4.693	11,3	2.408	59.100	74.800	31,4%	4,8%	13,4	3,8	28%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.860	13,6	249	24.900	31.300	29,2%	3,5%	7,9	1,3	18%
BID	11.591	13,2	1.439	41.900	47.200	13,7%	1,1%	9,5	1,6	18%
CTG	10.197	12,8	502	34.550	49.000	42,7%	0,9%	7,0	1,4	22%
HDB	4.897	13,4	254	25.750	39.500	55,9%	2,5%	7,1	1,6	25%
LPB	5.880	2,8	232	51.800	33.400	-29,7%	5,8%	13,9	3,1	23%
MBB	7.683	18,4	51	25.100	32.900	33,1%	2,0%	7,3	1,4	21%
STB	4.800	20,9	868	67.000	45.700	-30,9%	0,9%	16,5	2,1	8%
TCB	8.711	15,8	21	32.350	40.300	26,7%	2,2%	8,8	1,3	16%
TPB	1.655	6,6	103	15.700	17.800	19,4%	6,1%	5,9	1,0	18%
VCB	19.749	19,9	1.923	62.200	69.300	12,1%	0,7%	14,5	2,2	16%
VIB	2.082	4,2	7	16.100	23.600	52,2%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.125	16,5	443	26.950	37.100	39,5%	1,9%	8,1	1,2	16%
<b>Dệt may</b>										
MSH	147	0,5	63	34.400	40.600	20,9%	2,9%	6,3	2,0	33%
TCM	93	1,0	2	20.850	29.800	45,2%	2,3%	10,6	1,0	10%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.151	1,3	712	54.700	68.600	27,4%	2,0%	16,9	2,6	16%
GMD	1.188	5,1	93	73.300	72.000	1,2%	3,0%	17,9	2,3	13%
HAH	346	3,8	65	53.900	55.400	4,2%	1,4%	7,5	2,0	27%
VSC	282	5,7	135	19.850	19.100	-1,3%	2,5%	27,2	1,4	6%
IDC	629	3,9	205	43.600	45.600	8,0%	3,4%	8,9	2,5	31%
KBC	1.088	4,6	443	30.400	30.000	-0,1%	1,2%	18,5	1,1	7%
PHR	349	1,1	123	67.800	68.400	2,9%	2,0%	13,9	2,1	16%
VTP	429	1,7	193	65.300	129.200	99,1%	1,2%	31,0	6,1	21%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	647	10,5	285	44.850	128.300	192,8%	6,7%	6,9	1,1	17%
HPG	7.716	37,3	2.110	24.050	30.000	26,6%	1,9%	9,6	1,5	16%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	5.442	20,5	2.579	28.600	16.700	-40,1%	1,5%	10,9	2,1	21%
GAS	7.720	8,8	3.619	84.200	78.400	-4,5%	2,4%	17,5	2,9	18%
OIL	586	3,8	37	14.900	14.800	1,0%	1,7%	43,4	1,5	3%
PLX	1.919	10,3	109	39.750	47.700	23,0%	3,0%	30,9	2,0	7%
PVD	634	8,0	256	30.000	32.600	17,0%	8,3%	14,2	1,0	7%
PVS	750	11,4	252	38.600	41.800	10,0%	1,7%	10,2	1,3	13%
PVT	395	9,2	140	22.100	23.400	6,9%	1,0%	9,1	1,2	13%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	663	8,9	299	25.650	22.700	-8,1%	3,4%	15,2	1,5	11%
DCM	786	8,9	311	39.050	40.000	7,6%	5,1%	10,1	1,8	19%
DDV	144	1,5	65	25.900	39.700	56,8%	3,5%	6,0	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	67	0,5	33	21.900	34.100	58,0%	2,3%	#N/A N/A	1,4	9%
<b>Điện</b>										
POW	1.609	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	329	2,7	107	23.400	37.400	62,0%	2,1%	13,0	1,3	10%
PC1	297	8,5	118	19.000	26.500	39,5%	0,0%	7,7	1,2	17%
REE	1.212	2,9	0	51.200	76.600	51,3%	1,7%	12,1	1,5	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	636	10,0	187	13.200	18.300	53,8%	15,2%	70,8	1,2	2%
KDH	966	4,4	239	22.650	41.800	85,9%	1,3%	22,6	1,4	6%
NLG	493	3,3	49	26.750	42.200	59,5%	1,7%	19,8	1,0	6%
VHM	23.723	30,2	10.051	152.000	93.600			9,6	2,4	28%
VRE	2.694	8,4	977	31.200	32.000	5,9%	3,4%	10,3	1,4	15%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	4.719	31,8	969	72.900	118.200	63,5%	1,4%	12,8	3,2	27%

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

### Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

### Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

### Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

### Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

### Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

### Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

### Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

### Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA